

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc chỉ định phương pháp thử nghiệm lĩnh vực chăn nuôi**

#### **CỤC TRƯỞNG CỤC CHĂN NUÔI**

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;*

*Căn cứ Quyết định số 1398/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Chăn nuôi;*

*Căn cứ Quyết định số 2570/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi khoản 2 Điều 3 Quyết định số 1398/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Chăn nuôi;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;*

*Căn cứ hồ sơ đăng ký chỉ định Phòng thử nghiệm của Công ty Cổ phần Công nghệ Vietlabs;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Thức ăn chăn nuôi.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chỉ định Công ty Cổ phần Công nghệ Vietlabs (địa chỉ: Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Vietlabs - Trung tâm phân tích, số 62 đường số 2, phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh; điện thoại: 028.36221669; email: contact@viet-labs.com) thực hiện thử nghiệm thức ăn chăn nuôi. Danh mục các phép thử được chỉ định tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành đến hết ngày 12/6/2026.

**Điều 3.** Công ty Cổ phần Công nghệ Vietlabs có trách nhiệm thực hiện việc thử nghiệm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu, phải tuân thủ các quy định,

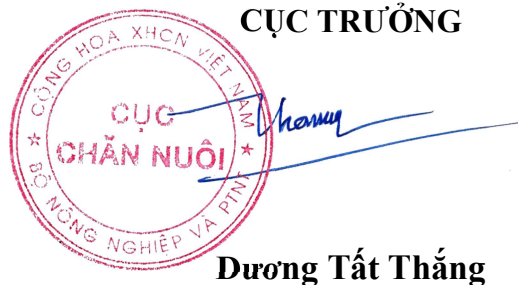
hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả thử nghiệm do đơn mình vị thực hiện.

**Điều 4.** Trưởng phòng Thức ăn chăn nuôi, Thủ trưởng đơn vị có tên nêu tại Điều 1, các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Công ty CP Công nghệ Vietlabs;
- TT. Tin học và Thống kê (để đăng tải);
- Vụ KHCN & MT (để biết);
- Cục QLCLNLSTS (để biết);
- Tổng cục TĐC, Bộ KHCN (để biết);
- Lưu: VT, TACN.

**CỤC TRƯỞNG**



**Dương Tất Thắng**



## Phụ lục

### **DANH MỤC PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM THỨC ĂN CHĂN NUÔI ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS** (Ban hành kèm theo Quyết định số 07 /QĐ-CN-TACN, ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Cục trưởng Cục Chăn nuôi)

TT	Tên phép thử	Đối tượng phép thử	Giới hạn định lượng (LOQ)	Phương pháp thử
<b>I. Chỉ tiêu hóa lý</b>				
1	Xác định hàm lượng Pb, Cd	TACN	LOQ: Pb = 0,2 mg/kg Cd = 0,02 mg/kg	TCVN 8126:2009
2	Xác định hàm lượng As	TACN	LOQ = 0,08 mg/kg	AOAC 986.15
3	Xác định hàm lượng Hg	TACN	LOQ = 0,04 mg/kg	TCVN 7604:2007
4	Xác định hàm lượng Nitơ ammoniac	TACN	LOQ = 5 mg/100g	TCVN 10494:2014
5	Xác định hàm lượng hàm lượng protein thô	TACN	LOQ = 0,30%	TCVN 4328- 1:2007
6	Xác định hàm lượng chất béo	TACN	LOQ = 0,30%	TCVN 4331:2001
7	Xác định hàm lượng tro không tan trong axit HCl (cát sạn)	TACN	LOQ = 0,10%	TCVN 9474:2012
8	Xác định hàm lượng tro thô	TACN	LOQ = 0,10%	TCVN 4327:2007
9	Xác định hàm lượng photpho	TACN	LOQ = 200 mg/kg	TCVN 1525:2001
10	Xác định hàm lượng clorua hòa tan trong nước	TACN	LOQ = 0,10%	TCVN 4806- 1:2018
11	Xác định độ ẩm và hàm lượng chất bay hơi khác	TACN	LOQ = 0,30%	TCVN 4326:2001
12	Xác định hàm lượng xơ thô	TACN	LOQ = 1%	TCVN 4329:2007
13	Xác định hàm lượng Ca; Mg; Zn; Cu; Na; K; Fe; Mn	TACN	LOQ: Ca; Mg; Zn; Cu; Na; K: 45mg/kg; Fe, Mn: 40mg/kg	TCVN 1537:2007

TT	Tên phép thử	Đối tượng phép thử	Giới hạn định lượng (LOQ)	Phương pháp thử
14	Xác định hàm lượng Co	TACN	LOQ = 50 mg/kg	Reference TCVN 9520 : 2012/TCVN 9588:2013
15	Xác định chỉ số peroxit	TACN Dầu mỡ động vật, thực vật	LOQ = 0,5 Meq/kg	TCVN 6121:2018
16	Xác định hàm lượng Chloramphenicol (CAP), Florfenicol (FF), Thiamphenicol (THIAM)	TACN	LOQ: CAP: 1,0 µg/kg; FF: 1,0 µg/kg; THIAM: 10,0 µg/kg	VLAB-CH-TP- 576:2021
17	Xác định hàm lượng nhóm Tetracyclines (Tetracycline, Oxytetracycline, Chlortetracycline, Doxycyline)	TACN	LOQ = 20 µg/kg	VLAB-CH-TP- 581:2021
18	Xác định hàm lượng Aflatoxin	TACN	LOQ: B1: 2,0 µg/kg; B2: 0,5 µg/kg; G1: 2,0 µg/kg; G2: 0,5 µg/kg	VLAB-CH-TP- 582:2021
19	Xác định hàm lượng Ethoxyquin	TACN	LOQ = 10 µg/kg	VLAB-CH-TP- 583:2021
20	Xác định hàm lượng Ochratoxin A	TACN	LOQ = 10 µg/kg	VLAB-CH-TP- 584:2021
21	Xác định hàm lượng Deoxynivalenol (DON), Zearalenone (ZEN)	TACN	LOQ: DON = 0,5 mg/kg ZEN = 0,2 mg/kg	VLAB-CH-TP- 586:2021
22	Xác định hàm lượng axit amin *	TACN	LOD = 0,02% (mỗi chất)	TCVN 8764:2012
<b>II. Chỉ tiêu vi sinh</b>				
23	Định lượng vi sinh vật - kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C	TACN	LOQ: 1 CFU/ml; 10 CFU/g	TCVN 4884- 1:2015 (ISO 4833-1: 2013)
24	Định lượng Coliform - Kỹ thuật đếm khuẩn lạc	TACN	LOQ: 1 CFU/ml; 10 CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)
25	Định lượng <i>Clostridium perfringens</i> - Kỹ thuật đếm khuẩn lạc	TACN	LOQ: 1 CFU/ml; 10 CFU/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)

TT	Tên phép thử	Đối tượng phép thử	Giới hạn định lượng (LOQ)	Phương pháp thử
26	Định lượng <i>Staphylococci</i> có phản ứng dương tính với coagulase ( <i>S. aureus</i> và các loài khác) trên đĩa thạch Baird-Parker	TACN	LOQ: 1 CFU/ml; 10 CFU/g	TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:1999 AD 1:2003)
27	Định lượng <i>E. coli</i> dương tính $\beta$ -Glucuronidaza - Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C sử dụng 5-Bromo-4-clo-3-indolyl $\beta$ -D- glucuronide	TACN	LOQ: 1 CFU/ml; 10 CFU/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
28	Phát hiện <i>Salmonella</i> spp.	TACN	Giới hạn phát hiện (LOD): Phát hiện/25g (ml)	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)

\* Danh mục các axit amin: Cysteine, Cystine, Methionine, Aspartic acid, Threonine, Serine, Glutamic acid, Glycine, Alanine, Valine, Isoleucine, Leucine, Tyrosine, Phenylalanine, Histidine, Lysine, Arginine, Proline.